

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Y học;

Chuyên ngành: Y học cổ truyền

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: LÊ MẠNH CUƯỜNG

2. Ngày tháng năm sinh: 22/10/1968; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Thái Hòa, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Số nhà 305, Tổ 361, ngõ 529, phường Vĩnh Tuy, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bru điện): Căn hộ số 17, tầng 23, tòa T4 Chung cư Time City, số 458 Minh Khai, quận Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng: 0243 2008969; Điện thoại di động: 0912.234.722;

E-mail: drcuong68@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

+ Từ tháng 9/1986 đến tháng 6/1992: Học bác sĩ đa khoa, Đại học Y Thái Bình.

+ Từ 1992 đến 1993: Học chuyên khoa định hướng Ngoại tại khoa Ngoại, Bệnh viện Bạch mai, Hà Nội.

+ Từ 1994 đến 1997: Bác sĩ ngoại, Phòng khám đa khoa 44, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- + Từ 1998 đến tháng 8/2007: Bác sĩ khoa Ngoại, BV Y học Cổ truyền Trung ương.
- + Từ tháng 9/2007 đến tháng 3/2013: Phó Trưởng khoa Ngoại, Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương.
- + Từ tháng 4/2013 đến tháng 5/2016: Trưởng khoa Ngoại, Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương.
- + Từ tháng 6/2016 đến tháng 3/2022: Phó Giám đốc Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương.
- + Từ tháng 01/4/2022 đến nay: Giám đốc Bệnh viện Tuệ Tĩnh, kiêm Phó Giám đốc Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam.

- Chức vụ: Hiện nay: Phó giám đốc Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam kiêm Giám đốc Bệnh viện Tuệ Tĩnh;

- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó giám đốc Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam kiêm Giám đốc Bệnh viện Tuệ Tĩnh.

- Cơ quan công tác hiện nay: Bệnh viện Tuệ Tĩnh, Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam

- Địa chỉ cơ quan: Số 2, Trần Phú, phường Mỗ Lao, quận Hà Đông, TP. Hà Nội

- Điện thoại cơ quan: 024 3382 4929

- Thành giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

- Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

- Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 06 tháng 8 năm 1992; số văn bằng: A 6488; ngành: Bác sĩ Y khoa, chuyên ngành: Đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường đại học Y Thái Bình, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 13 tháng 5 năm 2004; số văn bằng: 0370; ngành: Y học; chuyên ngành: Phẫu thuật đại cương; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Y Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 06 tháng 3 năm 2017; số văn bằng: 006931; ngành: Y học; chuyên ngành: Ngoại tiêu hóa; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Học viện Quân Y, Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa.

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Y học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Ứng dụng ngoại khoa và y học cổ truyền trong điều trị bệnh Trĩ.
- Kết hợp Y học hiện đại và Y học cổ truyền trong nghiên cứu và điều trị.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS;
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: chủ nhiệm 03 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu;
- Đã công bố 44 bài báo khoa học, trong đó 08 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (03 bài là tác giả chính);
- Đã được cấp (số lượng) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản: 02 sách do các nhà xuất bản có uy tín xuất bản, trong đó Chủ biên: 01 sách chuyên khảo, đồng chủ biên: 01 sách hướng dẫn.
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú” do Chủ tịch nước trao tặng theo Quyết định số 367/QĐ-CTN ngày 24/02/2017.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ về việc đã có thành tích xuất sắc trong công tác, góp phần vào sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân theo Quyết định số 209/QĐ-TTg ngày 20/02/2019.
- Bằng khen của Bộ Y tế về việc đã có nhiều thành tích trong phong trào thi đua yêu nước giai đoạn 2011-2015 theo quyết định số 3834/QĐ-BYT ngày 11/9/2015.
- Bằng khen của Bộ Y tế về việc đã có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện Đề án 1816 của Bộ Y tế giai đoạn 2008-2010 theo quyết định số 1250/QĐ-BYT ngày 26/4/2011.
- Chiến sĩ thi đua cấp Bộ theo quyết định số 1424/QĐ-BYT, ngày 02/5/2012, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành y tế năm 2011.
- Bằng khen của Bộ Y tế về việc đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch Y tế năm 2011 theo quyết định số 929/QĐ-BYT ngày 27/3/2012.
- Bằng khen của Bộ Y tế về việc đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác y tế năm 2016 theo quyết định số 1983/QĐ-BYT ngày 18/5/2017.
- Giải thưởng Hải Thượng Lãn Ông do Bộ Y tế trao tặng vì đã có nhiều thành tích trong công tác Kế thừa, bảo tồn, phát triển Y dược cổ truyền theo quyết định số 1419/QĐ-BYT ngày 17/4/2019.
- Bằng khen của Bộ Y tế về việc đã có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác y tế năm 2018 theo quyết định số 1710/QĐ-BYT ngày 08/5/2019.
- Bằng khen của Bộ Y tế về việc đã có nhiều thành tích xuất sắc Thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác Y tế từ năm 2019 đến năm 2020 theo quyết định số 5445/QĐ-BYT ngày 26/11/2021.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Về tư tưởng, đạo đức, tác phong: luôn tu dưỡng phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu, trung thực, giữ gìn lối sống khiêm tốn và giản dị. Có lập trường tư tưởng vững vàng, chấp hành nghiêm các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Xây dựng và giữ gìn môi đoàn kết thống nhất nội bộ, quan hệ đúng mực với đồng nghiệp và sinh viên, học viên.

Trong quá trình công tác và giảng dạy, tôi luôn giữ gìn đạo đức, tác phong và phẩm chất của người thầy giáo. Tích cực với nhiệm vụ giảng dạy, đảm bảo chất lượng dạy học, chấp hành nghiêm túc các quy chế của quá trình đào tạo.

Hoàn thành tốt nhiệm vụ nghiên cứu khoa học. Luôn luôn quan tâm giúp đỡ đồng nghiệp, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ thầy thuốc trẻ. Có nhiều đề tài nghiên cứu khoa học, kết hợp Y học cổ truyền với Y học hiện đại, đã ứng dụng thành công nhiều kỹ thuật mới vào điều trị, từ đó đã đem lại hiệu quả cao trong chẩn đoán và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh. Bản thân luôn tích cực tham gia nghiên cứu và báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo chuyên ngành, nghiên cứu đề tài khoa học thuộc các cấp khác nhau.

Luôn nêu cao tinh thần cầu thị, tự học hỏi kiến thức chuyên ngành để làm cho bài giảng phong phú, cập nhật, sát thực tế để góp phần nâng cao chất lượng đào tạo học viên đại học và sau đại học.

Tôi tự đánh giá mình trong những năm qua đã hoàn thành tốt nhiệm vụ về đào tạo, điều trị và nghiên cứu khoa học, đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của người giảng viên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 6 năm 8 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2016-2017					144		144/144/135
2	2017-2018					140		140/140/135
3	2018-2019					152		152/152/135
03 năm học cuối								
4	2019-2020					152		152/152/135
5	2020-2021			02 ThS		147		147/207/135
6	2021-2022					144		144/144/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH; tại nước: năm.....

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ B2 khung Châu Âu

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Ngô Thị Khuyên		HVCH	X		3/2020 – 3/2021	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	6/7/2021 Đã được cấp bằng
2	Nguyễn Văn Bảo		HVCH	X		02/2020- 3/2021	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam	6/7/2021 Đã được cấp bằng

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận TS							

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
1	Hướng dẫn phục hồi chức năng tâm lý cho bệnh nhân Covid-19 tại nhà	HD	NXB Thanh niên -2021	06	Đồng chủ biên	18-21; 34-73	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (Giấy xác nhận sử dụng tài liệu phục vụ đào tạo số 1543/GXN-HVYDCT ngày 28/6/2022)
2	Một số tiến bộ của Y học hiện đại và Y học cổ truyền trong điều trị bệnh Trĩ	CK	NXB Y học 2022	01	Chủ biên	1-195	Học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam (Giấy xác nhận sử dụng tài liệu phục vụ đào tạo số 1480/GXN-HVYDCT ngày 24/6/2022)

Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau TS: 01 [2],

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).
- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
Sau khi được công nhận TS					
1	Đánh giá hiệu quả gây tê tủy sống liều thấp bằng Bupivacain 4mg kết hợp Fentanyl 0,02mg trong phẫu thuật bệnh trĩ và các bệnh lý tầng sinh môn	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2018 - 2019	11/12/2019 Xuất sắc
2	So sánh tác dụng gây tê tủy sống liều thấp Bupivacain 4mg và 5mg trong phẫu thuật bệnh trĩ tại bệnh viện YHCT Trung ương	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2019 - 2020	04/11/2020 Xuất sắc

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
3	Nghiên cứu thử nghiệm lâm sàng đa trung tâm, ngẫu nhiên, nhãn mở, nhóm đối chứng song song, đánh giá hiệu quả và an toàn của viên Trĩ Thiên Dược trên bệnh nhân trĩ nội độ II chảy máu so sánh với thuốc có hoạt chất Diosmin	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2019 - 2020	14/12/2020 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
A	Hướng nghiên cứu 1: Ứng dụng ngoại khoa và y học cổ truyền trong điều trị bệnh Trĩ							
I	Hướng nghiên cứu 1- Trước khi được công nhận TS							
1	Nghiên cứu bước đầu qua 800 trường hợp điều trị bệnh trĩ nội bằng máy WD-II	2	X	Ngoại Khoa			26/4, 18-22	1996
2	Ứng dụng kỹ thuật và thiết bị thắt trĩ của Barron điều trị trĩ nội độ 1,2 và độ 3 (nhỏ) ở các tuyến điều trị	16		Tạp chí Hậu môn-Trực tràng			Số đặc biệt, 3-14	2002
3	Điều trị bệnh trĩ bằng máy ZZIID tại khoa ngoại bệnh viện YHCT TW	5		Tạp chí Hậu môn-Trực tràng			Số đặc biệt, 42-47	2006
4	Đánh giá kết quả sớm của phương pháp điều trị bệnh trĩ bằng điện cao tần (máy ZZIID) kết hợp với chèn trĩ số 9	6		Tạp chí Đại Trục tràng học ISSN: 1859253X			2, 47-54	2008

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
5	Điều trị bệnh trĩ bằng dòng điện cao tần-HCPT kết hợp với thuốc y học cổ truyền tại khoa ngoại bệnh viện YHCT TW (từ 23/09/2005 đến 23/09/2008)	6		Y học thực hành ISSN: 1859-1663			637+ 638, 49-53	2008
6	Mô trĩ bằng THD	1	X	Tạp chí Đại Trục tràng học ISSN: 1859253X			5, 51-59	2010
7	Kết quả bước đầu điều trị bệnh trĩ bằng phẫu thuật khâu triệt để mạch dưới hướng dẫn của siêu âm Doppler	2	X	Tạp chí Y Dược học quân sự ISSN: 1859-0748			36, 107- 110	2011
8	Điều trị bệnh trĩ bằng sóng radio cao tần-tần số 6,15MH	6		Tạp chí Đại Trục tràng học ISSN: 1859253X			7, 13-16	2013
9	Đánh giá tác dụng nhuận tràng của bài thuốc "điều vị thừa khí" trên BN sau phẫu thuật trĩ	10		Tạp chí Đại Trục tràng học ISSN: 1859253X			7, 21-25	2013
10	Đánh giá tác dụng giảm đau và điều trị bí đái của điện châm trên bệnh nhân sau mổ trĩ bằng phương pháp khâu triệt mạch	10		Tạp chí Đại Trục tràng học ISSN: 1859253X			7, 34-38	2013
11	Kết quả điều trị bệnh trĩ thể búi tắc mạch bằng phương pháp khâu triệt mạch dưới hướng dẫn của siêu âm doppler	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			424/1, 94-98	2014
12	Nghiên cứu chỉ số áp lực hậu môn ở bệnh nhân trĩ độ 3,4 được phẫu thuật bằng phương pháp khâu triệt động mạch trĩ dưới hướng dẫn của siêu âm doppler	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			431/2, 36-40	2015
13	Kết quả điều trị bệnh trĩ độ 3,4 bằng phương pháp khâu triệt động mạch trĩ dưới hướng dẫn của siêu âm doppler (THD)	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			431/2, 102- 105	2016

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
II <i>Hướng nghiên cứu 1- Sau khi được công nhận TS</i>								
14	Hiệu quả của các phương pháp điều trị bí đái cơ năng trên bệnh nhân sau mổ trĩ tại khoa ngoại bệnh viện y học cổ truyền trung ương	5		Y học thực hành ISSN: 1859-1663			1118/11, 177-179	2019
15	Comparison of Doppler-Guided Transanal Hemorrhoidal Dearterialization for Grade III and IV Hemorrhoids in Vietnam	6	X	Advances in Therapy ISSN: 1984-2020 DOI: https://doi.org/10.1007/s12325-019-00948-z	SCIE, Q1, IF 3,55		36/6, 1388-1397	2019
16	Đánh giá tác dụng của gây tê tủy sống liều thấp bupivacain 4mg kết hợp fentanyl 0,02mg trong phẫu thuật bệnh trĩ tại bệnh viện y học cổ truyền trung ương	4		Y học thực hành ISSN: 1859-1663			1140/7, 94-98	2020
17	Anorectal Functional Outcomes Following Doppler-Guided Transanal Hemorrhoidal Dearterialization: Evidence from Vietnam	9	X	Advances in Therapy ISSN: 1984-2020 DOI: https://doi.org/10.1007/s12325-020-01238-9	SCIE, Q1, IF 3,84		37/3, 1136-1144	2020
18	Một số đặc điểm lâm sàng bệnh nhân trĩ nội độ II có chảy máu	6		Tạp chí y dược học cổ truyền quân sự ISSN: 1859-3755			2/11, 21-31	2021
19	Đánh giá tính an toàn và hiệu quả của viên trĩ Thiên Dược trên bệnh nhân trĩ nội độ II có chảy máu theo các thể bệnh y học cổ truyền	4		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			510/1, 7-11	2022
20	Khảo sát đặc điểm lâm sàng theo y học cổ truyền của bệnh nhân trĩ sử dụng mô hình cây tiềm ẩn	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			510/1, 45-48	2022
21	Đánh giá tác dụng giảm đau và giảm cương tụ búi trĩ của viên Trĩ Thiên Dược trên bệnh nhân trĩ nội độ II có chảy máu	2		Tạp chí Y Dược học quân sự ISSN: 1859-0748			47/2, 62-67	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
22	Đánh giá hiệu quả gây tê tủy sống liều thấp bằng bupivacain 4 mg kết hợp fentanyl 0,02 mg trong phẫu thuật bệnh trĩ và các bệnh lý tầng sinh môn	2	X	Tạp chí Y Dược học quân sự ISSN: 1859-0748			47/2, 128-135	2022
23	Đánh giá tác dụng giảm chảy máu của viên trĩ thiên dược trên các bệnh nhân trĩ nội độ II có chảy máu	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			512/1, 8-11	2022
24	So sánh tác dụng gây tê tủy sống liều thấp Bupivacain 4mg và 5mg trong phẫu thuật bệnh trĩ tại Bệnh viện Y học Cổ truyền Trung ương	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			512/2, 7-10	2022
25	Đánh giá tác dụng không mong muốn của viên Trĩ Thiên Dược trên các bệnh nhân trĩ nội độ II có chảy máu	1	X	Tạp chí Y Dược học quân sự ISSN: 1859-0748			47/3, 32-39	2022
B	Hướng nghiên cứu 2: Kết hợp Y học hiện đại và Y học cổ truyền trong nghiên cứu và điều trị							
	Hướng nghiên cứu 2- Trước khi được công nhận TS							
26	Đánh giá bước đầu điều trị sỏi tiết niệu bằng phương pháp kết hợp tán sỏi ngoài cơ thể với thuốc y học cổ truyền	6		Y học thực hành ISSN: 1859-1663			637+638, 94-99	2008
	Hướng nghiên cứu 2- Sau khi được công nhận TS							
27	Đánh giá ảnh hưởng của bài thuốc Bổ thận sinh tinh thang lên chỉ số sinh hóa và mô bệnh học động vật thực nghiệm	4		Tạp chí Y học quân sự ISSN: 1859-1655			338, 46-52	2019
28	Trends in Socioeconomic Inequalities in the Use of Antenatal Care Services by Women Aged 15 to 49 Years in Vietnam	9		Asia Pacific Journal of Public Health ISSN: 1941-2479 DOI: https://doi.org/10.1177/1010539519857305	SCIE, Q2, IF 1,25		31/5, 413-421	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
29	Trends in the Prevalence of Atrial Septal Defect and Its Associated Factors among Congenital Heart Disease Patients in Vietnam	6		Journal of Cardiovascular Development and Disease ISSN: 2308-3425 DOI: https://doi.org/10.3390/jcdd7010002	SCIE, IF 3,95		7, 2;	2020
30	Trends and Factors Associated with Comprehensive Knowledge about HIV among Women in Vietnam	6		Tropical Medicine and Infectious Disease ISSN: 2414-6366 DOI: https://doi.org/10.3390/tropicalmed5020091	ESCI, Q1,IF 2,12		5/2, 91	2020
31	Đánh giá hiệu quả virus vaccin sởi và Nimotuzumab gây chết tế bào ung thư theo con đường apoptosis giai đoạn muộn	3		Tạp chí Y học Việt nam ISSN: 1859-1868			498/1 , 34-38	2021
32	Tác dụng gây hoại tử tế bào ung thư của virus vaccin sởi và Nimotuzumab	3		Tạp chí Y học Việt nam ISSN: 1859-1868			498/1 , 27-30	2021
33	Normal Values and Associated Factors in High-resolution Anorectal Manometry in Healthy Vietnamese Adults	9		Journal of Coloproctology ISSN: 2237-9363 DOI: https://doi.org/10.1055/s-0041-1726078	Q4		41/01, 070-078	2021
34	Normal values for high-resolution anorectal manometry in healthy young adults: evidence from Vietnam	9	X	BMC Gastroenterology ISSN: 1471230X DOI: https://doi.org/10.1186/s12876-021-01865-8	SCIE, Q2, IF 2,74		21, 295	2021
35	Long- and short-term survival following laparoscopic and open pancreaticoduodenectomy for patients with periampullary tumors in Vietnam	7		Annals of Medicine and Surgery ISSN: 2049-0801 DOI: https://doi.org/10.1016/j.amsu.2021.102690	ESCI, Q3,IF 1,35		69, 102690	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
36	Đánh giá kết quả sớm điều trị phẫu thuật triệt căn ung thư biểu mô trực tràng	4		Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			62/5, 16-21	2021
37	Sự hài lòng của nhân viên y tế tại các cơ sở y tế ở Việt Nam nghiên cứu tổng quan có hệ thống, giai đoạn 2010-2020	4		Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			62/6, 187-194	2021
38	Tình hình sử dụng kháng sinh tại bệnh viện Sản nhi An Giang giai đoạn 2019-2020	4		Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			62/7, 54-60	2021
39	Thực trạng văn hóa an toàn người bệnh của nhân viên y tế và một số yếu tố liên quan tại bệnh viện đa khoa nông nghiệp	3		Tạp chí Y học cộng đồng ISSN: 2354-0613			62/7, 254-260	2021
40	Đánh giá tác dụng điều trị rối loạn tiền mãn kinh và mãn kinh của cốm tan Tư thủy thanh can	2	X	Tạp chí Y Dược học quân sự ISSN: 1859-0748			47/1, 113-118	2022
41	Đánh giá tác dụng liền vết thương của cao Mỏ quạ trên bệnh nhân sau mổ rò hậu môn	1	X	Tạp chí Y Dược học quân sự ISSN: 1859-0748			47/1, 128-134	2022
42	Đánh giá hiệu quả điều trị của bài thuốc “Bạch phụ thang” trên bệnh nhân tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			510/2, 13-16	2022
43	Nghiên cứu độc tính bán trường diễn của Bạch phụ thang trên thực nghiệm	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			510/2, 37-41	2022
44	Đánh giá tác dụng điều trị rối loạn tiền mãn kinh và mãn kinh của cốm tan tư thủy thanh can theo các triệu chứng Y học cổ truyền	2		Tạp chí Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			513/1, 21-24	2022

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 03 bài (bài số 15, 17, 34).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau PGS/TS:

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế (đối với ngành Văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao)

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: Số lượng (ghi rõ các số TT) tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau PGS/TS:

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH-CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						
...						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ chuẩn giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy quy đổi không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ



Lê Mạnh Cường